

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 11/8/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng M

Bà Mùa Thị Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Quảng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1
- Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lò Văn M; Địa chỉ: Tổ dân phố 04 Khe Chít, phường N, thành phố Đ (nay là phường M1), tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Số nhà 17, tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, (nay là phường M1), tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Lò Thị T1; Địa chỉ: Tổ dân phố 04 Khe Chít, phường N, thành phố Đ, (nay là phường M1), tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lò Văn M trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 15/01/2024, ông Lò Văn M có cho ông Nguyễn Văn Thuận vay số tiền là 700.000.000 đ (Bảy trăm triệu đồng), đây là khoản tiền riêng của ông M không liên quan đến ai khác. Hai bên có lập Giấy cho

vay tiền, trong đó có nội dung: ông M đồng ý cho ông Thuận vay số tiền 700.000.000 đồng, thời điểm T1 toán vào tháng 06/2024, cam kết phải trả tiền đúng hạn nếu quá thời hạn trên sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Giấy vay tiền không quy định lãi suất. Hai bên đã nhất trí ký tên, ngoài ra còn có người làm chứng ký tên là Lò Thị T1. Ông M đã giao đủ 700.000.000 đồng cho ông Thuận nhưng đến hạn T1 toán, ông M đến đòi nhiều lần nhưng không được, ông Thuận trốn tránh, gọi điện không nghe máy, không gặp mặt được. Vì vậy, ông M khởi kiện buộc ông Thuận phải trả toàn bộ nợ gốc là 700.000.000 đồng. Đối với tiền lãi của nợ gốc, ông M không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 08/4/2025 và ngày 27/5/2025 bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên ông T có vay Lò Văn M số tiền là 700.000.000 đ (Bảy trăm triệu đồng), hai bên có lập giấy vay tiền, chữ ký bên vay đúng của ông T. Số tiền trên ông T dùng chi tiêu vào sở thích cá nhân, ông T không nói và cũng không đưa số tiền trên cho vợ hay một ai khác. Nay ông M khởi kiện đòi tiền gốc thì ông T cũng nhất trí. Ông T đã được mẹ đẻ và vợ thông báo và đưa các văn bản tố tụng của Tòa. Nay do tính chất công việc thường xuyên di chuyển nên ông T đề nghị Tòa án giao các văn bản về địa chỉ của mẹ đẻ ông tại số nhà 17, tổ 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; đồng thời xin tòa án xét xử vắng mặt ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng chị Lò Thị T1 trình bày:

Chị T1 là chị gái ruột của ông Lò Văn M. Vào ngày 15/01/2024 em M có nói với tôi cho anh Thuận vay 700.000.000 đồng tiền mặt nên có rủ tôi đi cùng để chứng kiến, đề phòng sau này có chuyện gì xảy ra thì có người làm chứng nên tôi nhất trí. Tại nhà anh Thuận, em M đã giao đủ 700.000.000 đồng cho anh Thuận và hai bên có lập giấy vay tiền, tôi có ký vào giấy là người làm chứng. Khi thỏa thuận và giao nhận tiền chỉ có 03 chúng tôi, không có ai khác, tiền vay anh Thuận sử dụng làm gì hay giao cho ai tôi không biết.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn; nguyên đơn có ý kiến không tiến hành hòa giải để đưa vụ án ra xét xử nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207/BLTTDS. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, đã tổng đạt hợp lệ quyết định, giấy triệu tập cho các đương sự.

Tại phiên tòa, vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227/BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xem xét tài liệu chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án thụ lý yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại: Số nhà 17, tổ dân phố 7, phường N, thành phố Đ (nay là phường M1), tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo loại việc, theo cấp và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên toà vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng nhưng các đương sự đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227/BLTTDS.

[4] Về nội dung vụ án:

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày về việc ông Nguyễn Văn T có vay ông Lò Văn M số tiền là 700.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng M theo khoản 2 Điều 92/BLTTDS, lời trình bày trên phù hợp với Giấy cho vay tiền ngày 15/01/2024, trình bày của bị đơn và người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở khẳng định ông Nguyễn Văn T có vay ông Lò Văn M số tiền là 700.000.000 đồng. Đến hạn T1 toán, ông T không trả cho ông M nên ông M đòi lại ông T số tiền gốc là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với tiền lãi do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí:

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận bên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án: $20.000.000 + (4\% \times 300.000.000) = 32.000.000$ đồng. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho ông Lò Văn M số tiền là: 700.000.000 đ (Bảy trăm triệu) đồng.

2. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lò Văn M cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: ông Nguyễn Văn T phải chịu 32.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Lò Văn M 16.930.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001167 ngày 11/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/8/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát khu vực 1-ĐB;
- THADS tỉnh ĐB;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người làm chứng (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà

